

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM

TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được vị trí, các giai đoạn phát triển và những đặc điểm cơ bản của văn học trung đại Việt Nam.
- Biết vận dụng nhận thức trên vào việc tìm hiểu và hệ thống hoá những tri thức về tác phẩm sê học của thời kì này.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

1. Ở THCS, HS mới làm quen với một số tác phẩm văn học trung đại, chưa có hệ thống, chưa có ý niệm và những khái niệm công cụ về văn học trung đại. Hơn nữa, văn học trung đại có những mã khoá về ngôn ngữ, cách biểu đạt, về thể loại,... rất khó và khá xa lạ đối với HS. Trong khi đó vốn tri thức của HS về tác giả và tác phẩm văn học trung đại Việt Nam lại quá mỏng mà bài *Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX* lại đòi hỏi phải bao quát nền văn học. Đó là những mâu thuẫn và khó khăn.

Để tháo gỡ những khó khăn đó, GV cần giảng kỹ, cung cấp những tri thức cần thiết tối thiểu. Qua bài giảng, GV giúp HS nắm được khái niệm *văn học trung đại* và *vị trí của văn học trung đại Việt Nam*.

– GV cần giải thích cho HS tên gọi là một quy ước, nhưng mang tính khoa học. Văn học viết của Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX được gọi là *văn học trung đại*. Văn học trung đại Việt Nam ra đời cùng với sự ra đời của quốc gia Đại Việt (thế kỉ X) và phát triển trong suốt mười thế kỉ dưới chế độ phong kiến.

– Văn học trung đại Việt Nam phát triển qua bốn giai đoạn : từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV ; từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII ; từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX ; nửa cuối thế kỉ XIX.

– Đặc điểm cơ bản nhất của từng giai đoạn về nội dung, hình thức và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

– Bốn đặc điểm cơ bản nhất của văn học trung đại Việt Nam.

Từ những tri thức trên, hình thành trong HS nhận thức : thành tựu văn học trung đại là do một quá trình phấn đấu gian khổ, không ngừng sáng tạo theo hướng dân tộc hoá hàng ngàn năm của cha ông ta. Vì thế, cần trân trọng, giữ gìn.

2. Nên hướng dẫn HS đọc SGK trước khi lên lớp, đồng thời khai thác triệt để vốn hiểu biết của các em về văn học trung đại Việt Nam đã được học ở THCS.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mảng

GV có thể hỏi HS đã học những tác phẩm văn học nào của Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX ở THCS ; cũng có thể nêu tên các tác phẩm đã học ở THCS rồi hỏi về tác giả, thời điểm ra đời của từng tác phẩm đó. Từ kiến thức HS trình bày, GV bổ sung và sắp xếp lại trình tự các tác phẩm theo thời gian. Chẳng hạn, *Nam quốc sơn hà* (*Sông núi nước Nam*, khoảng thế kỉ XI), *Thiên đô chiểu* (*Chiểu dời đô*, thế kỉ XI), *Bình Ngô đại cáo* (*Đại cáo bình Ngô*, thế kỉ XV), *Truyền kì man lục* (thế kỉ XVI), *Chinh phụ ngâm* (nửa đầu thế kỉ XVIII), v.v. Trên cơ sở kiến thức này, GV giới thiệu bài mới.

2. Phân tổ chức dạy học

Câu hỏi 1

Văn học trung đại Việt Nam có vị trí cực kỳ quan trọng vì nó chắt lọc những tinh hoa của văn học Việt Nam, mà còn đóng vai trò to lớn trong việc hình thành, kết tinh những truyền thống quý báu của nền văn học dân tộc.

Câu hỏi 2

GV cho HS biết, từ trước tới nay có nhiều cách chia giai đoạn. Nay dựa vào bản thân sự phát triển và thành tựu của chính văn học trung đại Việt Nam để chia làm bốn giai đoạn.

a) Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV

– Về lịch sử – xã hội, GV cần nhấn mạnh hai điểm :

+ Nhân dân ta vừa giành được độc lập sau ngàn năm mất nước. Do đó, nhiệm vụ xây dựng quốc gia thống nhất và chống ngoại xâm là quan trọng.

+ Đây là thời kỳ có nhiều tôn giáo cùng tồn tại hòa đồng.

– Về văn học, GV cần nhấn mạnh ba điểm :

+ Đây là giai đoạn khôi phục và xây dựng nền văn hiến dân tộc, trong đó có văn học.

+ Đây là giai đoạn đặt nền móng có tính chất định hướng cho văn học trung đại nói riêng, cho văn học Việt Nam nói chung.

+ Nội dung chủ yếu của văn học thế kỉ X - XIV là khẳng định và ngợi ca dân tộc.

– Chú ý thêm một số vấn đề :

+ Khái niệm *văn ngôn*. Hán ngữ có hai loại : *văn ngôn* và *bạch thoại*. Chữ Hán *văn ngôn* là chữ Hán cổ dùng trong ghi chép, còn trong giao tiếp người ta dùng *bạch thoại*. Văn ngôn là *tử ngữ*, đối lập với bạch thoại là *sinh ngữ*.

+ *Chữ Nôm*. Chữ Nôm về cơ bản là loại văn tự dùng chữ Hán và bộ chữ Hán để ghi âm tiếng Việt. Chữ Nôm có thể xuất hiện sớm nhưng đến thế kỉ XIII mới định hình đầy đủ và được dùng để sáng tác văn học. Từ giữa thế kỉ XIX trở về trước, cha ông ta gọi loại văn tự này là *quốc ngữ* hoặc *quốc âm*. Những khái niệm này được dùng trong các tác phẩm như *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, *Hồng Đức quốc âm thi tập* của các tác giả đời Lê Thánh Tông, *Bách Văn quốc ngữ thi* của Nguyễn Bỉnh Khiêm, v.v. Từ giữa thế kỉ XVII, chữ quốc ngữ ghi âm tiếng Việt bằng chữ cái La tinh ra đời và thịnh hành vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Vậy là văn tự nước ta có ba loại : chữ Hán (văn ngôn), chữ Nôm và chữ quốc ngữ.

+ Cũng ở giai đoạn này, theo sử sách ghi chép lại, cha ông ta đã Việt hoá thành công thể thơ Đường luật của Trung Hoa. Người khởi xướng và đạt một số thành tựu là Hàn Thuyên. Có lẽ vì thế, thơ Đường luật viết bằng quốc âm còn được gọi là thơ *Hàn luật chǎng* (?).

b) Văn học Việt Nam từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII

– Về lịch sử – xã hội, GV cần chú ý hai điểm sau :

+ Triều Lê được thiết lập sau chiến thắng giặc Minh ; nhà Lê lấy Nho giáo làm quốc giáo.

+ Triều Lê tồn tại tròn một trăm năm (1427 - 1527) thịnh trị. Sau đó là nội chiến Lê – Mạc (từ năm 1533 đến năm 1593) và tiếp theo là nội chiến Đàng Trong – Đàng Ngoài.

– Về văn học, cần chú ý mấy điểm :

+ Xuất hiện các tác giả lớn như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Dữ,...

+ Sự phát triển của thơ ca quốc âm. Lần đầu tiên có những tập thơ riêng của các danh gia như *Quốc âm thi tập*, *Bach Văn Quốc ngữ thi*,... ; lần đầu tiên có tác phẩm Nôm quy mô dài từ bốn trăm câu đến hơn tám nghìn câu thơ (lấy dẫn chứng trong SGK).

+ Ba thể thơ dân tộc ra đời trong giai đoạn này : thơ lục bát, thơ song thất lục bát và thơ hát nói.

+ Về văn xuôi thì văn chính luận, văn tự sự phát triển mạnh.

+ Ngoài nội dung yêu nước với các sắc thái khác nhau, văn học giai đoạn này đã chú ý đến số phận con người, đặc biệt là người phụ nữ và bắt đầu phê phán những biểu hiện phi Nho giáo.

c) Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX

– Về lịch sử – xã hội, GV cần nhấn mạnh các điểm sau :

+ Chế độ xã hội khủng hoảng dẫn đến các triều đại liên tiếp thay nhau sụp đổ : chúa Nguyễn ở Đàng Trong, vua Lê và chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, triều đại Tây Sơn và tiếp đó là sự thiết lập triều Nguyễn Gia Long.

+ Phong trào đấu tranh của nhân dân nổ ra khắp nơi, đặc biệt là từ năm 1738 trở đi và đỉnh cao là phong trào Tây Sơn cùng một lúc lật đổ các tập đoàn phong kiến trong nước : Nguyễn, Trịnh, Lê và đập tan các cuộc xâm lược từ hai phía : quân Xiêm và quân Thanh, nhưng cuối cùng nhà Tây Sơn cũng sụp đổ.

+ Ý thức về cá nhân phát triển.

– Về văn học, GV chú ý các đặc điểm sau :

+ Trong cuộc đấu tranh, con người ý thức được vai trò của mình, do đó tạo ra trào lưu đòi giải phóng tình cảm cá nhân, tự do yêu thương,... Nội dung văn học phong phú và đa dạng (xem SGK).

+ Ngôn ngữ văn học trưởng thành vượt bậc, đặc biệt là ngôn ngữ dân tộc.

+ Các loại hình văn học nở rộ và đều đạt đỉnh cao.

Truyện Nôm, ngâm khúc, thơ hát nói, thơ Nôm Đường luật, tiểu thuyết chương hồi (bằng chữ Hán) đạt nhiều thành tựu xuất sắc.

Truyện ngắn truyền kì viết bằng chữ Hán tiếp tục đổi mới. Kí nở rộ với nhiều sắc thái.

Tóm lại, đây là thời kì phát triển rực rỡ nhất, đánh dấu bước trưởng thành toàn diện của văn học trung đại Việt Nam.

d) Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX

– Về *lịch sử – xã hội*, có hai điểm nổi bật :

+ Chế độ phong kiến Việt Nam suy tàn.

+ Pháp xâm lược, Việt Nam mất dần vào tay thực dân Pháp. Một chế độ xã hội nửa phong kiến nửa thực dân bước đầu hình thành ở Nam Bộ và lan ra Bắc Bộ.

– Về *văn học* :

+ Văn chương yêu nước phát triển. Ngoài thơ ca, văn chính luận, đặc biệt là loại văn điêu trân cũng rất phát triển.

+ Do hạn chế về mặt văn tự và phương thức phản ánh, văn học trung đại viết bằng chữ Hán và chữ Nôm rơi vào bế tắc.

+ Chữ quốc ngữ với văn xuôi quốc ngữ bắt đầu xuất hiện ở Nam Bộ.

Ngoài những điểm nêu trên, GV đọc kĩ bài viết trong SGK, lấy những tác phẩm HS đã học ở THCS làm dẫn chứng và đưa dần một số tên tác phẩm sẽ học ở THPT để HS làm quen. Chẳng hạn, khi nói về tiểu thuyết chư hầu bằng chữ Hán, ngoài *Hoàng Lê nhất thống chí*, GV có thể nêu thêm *Nam triều công nghiệp diễn chí*.

Câu hỏi 3

Bốn đặc điểm nổi bật của văn học trung đại Việt Nam :

– *Gắn bó với vận mệnh đất nước và số phận con người*

Đây là đặc điểm nội dung của văn học trung đại Việt Nam. SGK đã viết kĩ và đầy đủ. Khi gặp những dẫn chứng về tác phẩm có trong chương trình THCS, GV cần gợi ý để HS phát huy tinh thần chủ động, tự phân tích và chứng minh cho các nhận định ở SGK. Chẳng hạn, các bài *Thiên đô chiếu*, *Dụ chư tử tướng hịch văn* (*Hịch tướng sĩ*), *Bình Ngô đại cáo* ; thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, truyện ngắn của Hồ Nguyên Trừng ; các tác phẩm của Nguyễn Dữ, *Chinh phụ ngâm*

(bản diển Nôm), *Đoạn trường tân thanh* (*Truyện Kiều*), thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương,... HS đã được học qua. Tuy vậy, vẫn cần làm nổi rõ điều này : văn học trung đại Việt Nam luôn bám sát lịch sử dân tộc, phản ánh những sự kiện trọng đại liên quan đến vận mệnh đất nước và phản ánh số phận con người Việt Nam.

– *Luôn hấp thụ mạch nguồn văn học dân gian*

Ở đặc điểm này cần lưu ý và nhấn mạnh :

+ Trước hết, bất cứ nền văn học của dân tộc nào cũng phải hấp thụ mạch nguồn văn học dân gian. Tuy nhiên, cần thấy mối quan hệ hai chiều giữa văn học viết và văn học dân gian.

+ Ở nước ta, nền văn học dân tộc chính thức ra đời sau ngàn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ. Do đó, văn học dân gian lại càng quan trọng. Nó không chỉ cung cấp đề tài, cốt truyện, kinh nghiệm nghệ thuật mà còn định hướng, bảo tồn bản sắc dân tộc và song hành với văn học viết trong suốt thời trung đại. GV cần dựa vào kiến thức các bài HS đã được học trước đây để chứng minh cho từng luận điểm.

– *Tiếp thu tinh hoa văn học Trung Hoa trên tinh thần dân tộc, tạo nên những giá trị văn học đậm đà bản sắc Việt Nam*

Đây là đặc điểm hết sức quan trọng của văn học trung đại Việt Nam.

Trước hết, người Việt đã tiếp xúc khá sớm với nền văn học Trung Hoa. Không những thế, suốt ngàn năm nội thuộc, người Trung Hoa đã đem văn hoá Hán truyền bá vào Việt Nam. Thời Bắc thuộc có một số người Việt Nam học hành, thi cử, đỗ đạt và làm quan ở Trung Hoa. Vì thế, ảnh hưởng của văn học Trung Hoa đối với Việt Nam là điều hiển nhiên. Hơn nữa, chúng ta còn tiếp thu một cách có chọn lọc chữ viết, hệ thống thể loại văn học Trung Hoa,... Tuy nhiên, cha ông ta đã tiếp thu theo tinh thần dân tộc, không rập khuôn, cố gắng Việt hoá hoặc biến đổi cho phù hợp với tư duy thẩm mĩ của người Việt. Chẳng hạn, về văn tự, ta dùng chữ Hán văn ngôn đọc theo âm Hán Việt ; thơ Đường viết bằng chữ Việt (chữ Nôm) ; truyện ngắn truyền kì đậm chất hiện thực và trữ tình, ít màu sắc ma quái ; tiểu thuyết chương hồi viết bằng chữ Hán, tiểu thuyết thế sự viết bằng chữ Việt và thơ dân tộc,... Sự sáng tạo ra thơ lục bát, song thất lục bát và thơ hát nói đã đưa văn học Việt Nam lên một bước phát triển mới,...

– Trong khuôn khổ thi pháp trung đại, văn học Việt Nam luôn vận động theo hướng dân tộc hoá và dân chủ hoá

Cũng như văn học trung đại các nước trên thế giới, văn học trung đại Việt Nam nằm trong khuôn khổ của thi pháp văn học trung đại nói chung (lấy dẫn chứng trong SGK). Tuy nhiên, văn học trung đại Việt Nam thường xuyên tự đổi mới về nội dung bằng cách bám sát cuộc sống luôn biến đổi của người Việt, của dân tộc Việt để phản ánh. Do nội dung tác phẩm luôn luôn mở rộng, yêu cầu phải có quy mô và hình thức phản ánh tương ứng. Bởi vậy, từ ngôn ngữ, thể loại đến phương thức biểu hiện dần dần thay đổi làm cho các quy phạm trung đại bị lỏng lẻo và phá vỡ dần, tạo điều kiện cho văn học trung đại tiến gần tới văn học cận hiện đại.

3. Phần củng cố

Tóm lại, văn học trung đại Việt Nam phát triển qua bốn giai đoạn. Những đặc điểm của mỗi giai đoạn tuy có khác nhau nhưng chúng đều có chung một số điểm là không ngừng sáng tạo, không ngừng tiếp thu, kế thừa tinh hoa văn học dân gian, văn học các nước lân cận, đặc biệt là Trung Hoa ; không ngừng tiếp thu, kế thừa thành tựu của những người đi trước để từng bước tự đổi mới, đưa văn học trung đại tiến lên theo khuynh hướng dân tộc hoá và dân chủ hoá. Đến hết thế kỉ XIX, văn học trung đại kết thúc vai trò lịch sử của mình, nhưng đã để lại cho chúng ta một kho tàng quý giá trên hai bình diện nội dung và nghệ thuật. Về nội dung, văn học trung đại đã phản ánh một cách chân thật và sinh động đời sống tâm linh của người Việt Nam trong mười thế kỉ trung đại. Ngày nay muốn hiểu người Việt Nam, hiểu truyền thống Việt Nam không thể không đọc văn học trung đại Việt Nam. Về hình thức, văn học trung đại đã để lại những kinh nghiệm sáng tác quý giá, đặc biệt là các thể loại văn học Nôm và ngôn ngữ văn học dân tộc.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Qua Bài tập nâng cao, cần nâng nhận thức của HS lên trình độ khái quát hơn, sâu hơn, đặc biệt thấy được mối quan hệ giữa lịch sử xã hội với tiến trình phát triển của văn học. Trên cơ sở bốn giai đoạn phát triển và bốn đặc điểm, GV chỉ ra mối quan hệ giữa lịch sử xã hội với lịch sử văn học trung đại Việt Nam.

– Văn học lấy hiện thực cuộc sống làm đối tượng phản ánh và phục vụ cho các nhiệm vụ chính trị – xã hội. Do vậy, văn học phải bám sát hiện thực cuộc sống, luôn thay đổi hình thức sao cho phù hợp với nội dung và đối tượng phản ánh. Sự thay đổi này làm cho văn học phát triển.

– Tuy nhiên, sau khi ra đời, văn học có tác dụng thúc đẩy đất nước phát triển (có thể lấy các tác phẩm đã học như *Thiên đô chiếu*, *Dụ chư tì tướng hịch văn*, *Chinh phụ ngâm*, *Đoạn trường tân thanh*, thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương,... để chứng minh).

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đinh Gia Khánh (Chủ biên), *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*, NXB Giáo dục, 1998.
- Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề về thi pháp văn học trung đại*, NXB Giáo dục, 1997.